

A VISIT TO A SCHOOL GETTING STARTED

- prepare	(v): chuẩn bị
- preparation	(n): sự chuẩn bị
- forget-forgot-forgot	(v): quên
- remind	(v): nhắc nhở, gợi nhớ
- magazine	(n): tạp chí
- newspaper	(n): báo
- science lab	(n): p.thí nghiệm KH
- biology	(n): sinh vật
- IT (information technology)	(n): tin học
- PE (physical education)	(n): thể dục
- Lower Secondary School	(n): trường THCS
- member	(n): thành viên